

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ tư, ngày 8 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường đi ngang

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiểu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/4/2020		•	
Tuần 6/4-10/4/2020			•
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index gặp áp lực bán dâng cao tại các mã cổ phiếu trụ cột như VIC, BID, VCB, GAS, CTG và giảm điểm. Trong phần lớn thời gian phiên chiều, chỉ số vận động tiêu cực dưới mốc tham chiếu trước khi tăng điểm nhẹ trở lại vào phút cuối phiên. Thị trường nhìn chung duy trì trạng thái cân bằng khi đã bắt phá ấn tượng của VHM, BID, MSN đã giúp chỉ số không phải chịu áp lực chốt lời quá lớn tại các mã VIC, VCB, VPB. Với vận động áp sát ngưỡng kháng cự mạnh 750 điểm trong các phiên giao dịch tới của VN-Index, dự kiến chỉ số có thể gặp rung lắc và giằng co trong vùng giá này. Như vậy, nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời một phần danh mục để bảo toàn thành quả.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 680 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 8/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme Corona Avengers 2.1%. 9/23 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Corona Avengers** - gồm các cổ phiếu đứng đầu các ngành bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và đang bị thị trường định giá quá thấp so với giá trị thật - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là 0.2%.

Phân tích kỹ thuật: POW_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.33 điểm**, đóng cửa 748.02. HNX-Index **+0.50 điểm**, đóng cửa 103.93.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+6.06%)**; **BID (+2.57%)**; **MSN (+2.43%)**; **POW (+2.63%)**; **VNM (+0.51%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-3.39%)**; **VCB (-1.03%)**; **VPB (-2.84%)**; **TCB (-1.47%)**; **HPG (-1.58%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,833 tỷ đồng**, **-31%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 18.24 điểm. Thị trường có **170 mã tăng**, 62 mã tham chiếu và **164 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **217.33 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (51.56 tỷ), NKG (49.87 tỷ) và DMC (38.51 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **37.54 tỷ đồng**.

VN-INDEX 748.02

Giá trị: 2833.85 tỷ

1.33 (0.18%)

Khối ngoại (ròng): -217.33 tỷ

HNX-INDEX 103.93

Giá trị: 428.75 tỷ

0.5 (0.48%)

Khối ngoại (ròng): -37.45 tỷ

UPCOM-INDEX 50.31

Giá trị: 0.15 tỷ

-0.12 (-0.24%)

Khối ngoại (ròng): -19.74 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.5	3.47%
Giá vàng	1,652	0.28%
Tỷ giá USD/VND	23,527	0.27%
Tỷ giá EUR/VND	25,536	0.68%
Tỷ giá JPY/VND	21,617	0.22%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	4.69%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-4.31%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	20.5	VIC	51.6
BID	12.3	NKG	50.3
MSN	11.4	DMC	38.5
VHM	10.9	POW	37.2
VNM	7.0	HPG	21.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



- * Bạn không có thời gian để đầu tư
- * Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- * Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/23 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Corona Avengers** - gồm các cổ phiếu đứng đầu các ngành bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và đang bị thị trường định giá quá thấp so với giá trị thật - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là 0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **3/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

- **1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

8/4/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Corona Avengers_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Corona Avengers	2.1%	21.4%	-13.9%	-33.5%	-37.5%	-40.5%	-5.1%	21.9%
BDS & Khu công nghiệp	1.8%	12.4%	-13.8%	-25.6%	-28.0%	-26.2%	-2.5%	17.2%
Ngành Dược	1.4%	9.1%	-3.3%	-4.4%	-5.5%	-3.1%	10.5%	18.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.8%	15.0%	-6.7%	-21.0%	-23.8%	-24.3%	32.8%	15.7%
Hàng tiêu dùng	0.5%	19.4%	-10.8%	-21.1%	-30.2%	-24.8%	7.8%	19.3%
Dầu khí	0.4%	21.8%	-16.9%	-34.8%	-38.2%	-42.1%	-22.1%	25.2%
FTSE Việt Nam	0.2%	13.2%	-5.1%	-19.8%	-21.6%	-21.6%	42.8%	16.7%
Nước & Năng lượng	0.2%	12.1%	-8.4%	-23.3%	-26.6%	-25.6%	10.6%	16.1%
Lãi suất giảm	0.2%	20.7%	-15.6%	-23.1%	-29.0%	-28.5%	3.2%	19.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	16.9%	-12.7%	-23.3%	-28.3%	-36.8%	-9.6%	22.3%
Stay-at-home	-0.1%	16.5%	-15.8%	-8.7%	-22.7%	-15.4%	23.7%	16.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	13.7%	-16.2%	-25.1%	-26.8%	-15.9%	14.2%	18.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	15.1%	-10.2%	-21.5%	-22.8%	-17.2%	20.4%	17.2%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	15.7%	-10.2%	-21.9%	-24.1%	-22.7%	-25.0%	20.2%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	13.5%	-18.9%	-30.2%	-34.8%	-34.5%	-26.6%	17.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	13.3%	-10.2%	-21.9%	-26.4%	-21.4%	13.4%	16.4%
VN Diamond	-0.8%	14.7%	-17.9%	-24.6%	-26.4%	-15.1%	13.5%	19.0%
Ngân hàng	-0.8%	13.6%	-16.4%	-19.4%	-17.7%	-11.1%	35.8%	23.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.9%	14.6%	-18.1%	-19.8%	-19.5%	-17.1%	8.8%	21.3%
VN FinSelect	-1.1%	13.5%	-18.0%	-20.3%	-20.6%	-18.9%	3.8%	19.7%
Xây dựng	-1.2%	14.5%	-14.9%	-23.5%	-36.2%	-39.7%	-34.7%	19.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.3%	9.1%	-6.8%	-15.9%	-14.1%	-15.7%	18.5%	15.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.4%	16.4%	-17.7%	-25.9%	-24.8%	-10.4%	43.0%	21.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 1	0.9%	11.5%	-9.1%	-19.9%	-17.6%	-11.2%	37.1%
Danh mục 7	0.7%	12.4%	-11.4%	-23.5%	-25.5%	-15.1%	17.3%
Danh mục 9	0.2%	18.5%	-13.5%	-24.6%	-21.7%	-23.5%	50.5%
Danh mục 5	-0.8%	11.8%	-12.9%	-24.4%	-23.7%	-11.5%	32.7%
Danh mục 2	-0.9%	12.1%	-13.3%	-27.1%	-26.6%	-17.0%	18.0%

* Note
3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro						
Danh mục 11	0.4%	10.9%	-6.2%	-17.6%	-19.7%	-8.7%	19.4%
Danh mục 10	-0.6%	10.3%	-9.8%	-21.8%	-21.9%	-12.3%	16.1%
Danh mục 12	-1.0%	16.6%	-12.9%	-23.7%	-25.5%	-12.8%	58.1%

* Note
1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.2%	12.9%	-10.5%	-22.6%	-24.3%	-24.2%	4.0%
VN30INDEX	-0.4%	13.2%	-11.7%	-22.1%	-24.5%	-23.6%	0.4%

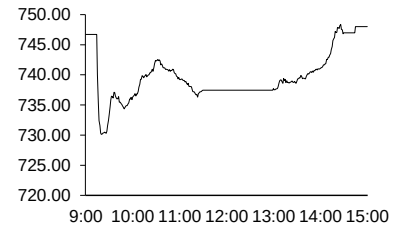
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

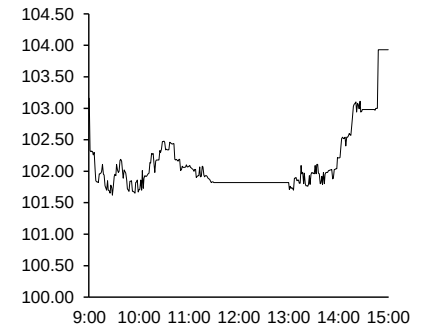
Vũ Quốc Khánh
khanhvg@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	2.4%
Hóa chất	1.1%
Y tế	1.0%
Thực phẩm và đồ uống	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%
Bất động sản	0.5%
Dịch vụ tài chính	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.3%
Bảo hiểm	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Bán lẻ	-0.2%
Ngân hàng	-0.3%
Dầu khí	-0.5%
Viễn thông	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-0.8%
Công nghệ Thông tin	-1.1%
Truyền thông	-1.4%
Tài nguyên Cơ bản	-1.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

POW_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, RSI phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: POW đang trong xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 70. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn sắp hình thành. POW nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự cũ 8.5 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 8.0 và chốt lãi ngắn hạn tại vùng giá 10 -11. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 7.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 8/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 8/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.94	5.54%	22.80%	-20.70%	-58.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	32.61	2.32%	31.81%	-7.10%	-51.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	65.95	1.74%	20.68%	-42.00%	-64.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1647.98	0.02%	3.55%	-1.90%	29.23%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.02	-0.01%	7.57%	-11.70%	0.04%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	857.25	0.29%	-0.64%	-1.50%	-10.21%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	546.75	-0.46%	-0.64%	5.40%	7.15%		AFX
Sữa	USD /cwt	14.00	1.45%	3.24%	-13.70%	-13.69%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.40	0.40%	5.58%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.38	-0.67%	-0.38%	-20.30%	-25.75%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.05	2.67%	0.58%	10.80%	9.70%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5040.00	3.19%	1.80%	-10.10%	-22.31%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3205.00	-0.31%	-1.23%	-10.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1477.50	0.37%	-3.18%	-12.30%	-21.33%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	572.00	0.88%	-0.17%	-10.60%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	61.50	-0.97%	-8.35%	-7.20%	-30.07%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 1.18 USD tương đương 3.6% xuống 31.87 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 2.45 USD tương đương 9.4% xuống 23.63 USD/thùng.
- Số liệu của Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết, tồn trữ dầu thô trong tuần trước của nước này tăng 11.9 triệu thùng lên 473.8 triệu thùng, cao hơn so với dự kiến tăng 9.3 triệu thùng của các nhà phân tích.
- Sản lượng dầu thô của Mỹ dự kiến sẽ giảm 470,000 thùng/ngày, trong khi nhu cầu sẽ giảm khoảng 1.3 triệu thùng/ngày trong năm 2020, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết. Đồng thời, tiêu thụ xăng xe máy của Mỹ sẽ chạm mức thấp nhất trong 20 năm trong quý 2/2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1% xuống 1,644.51 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 0.6% xuống 1,683.7 USD/ounce. Giá vàng giảm hơn 1% từ mức cao nhất gần 1 tháng trong đầu phiên giao dịch, do các dấu hiệu đại dịch virus corona suy giảm thúc đẩy thị trường chứng khoán và khiến các nhà đầu tư quay lưng lại với vàng thời được coi là tài sản trú ẩn an toàn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 1.9 JPY lên 148.8 JPY (1.37 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 170 CNY lên 9,865 CNY (1,398 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tăng phiên thứ 3 liên tiếp do virus corona tại một số điểm nóng trên toàn cầu suy giảm.

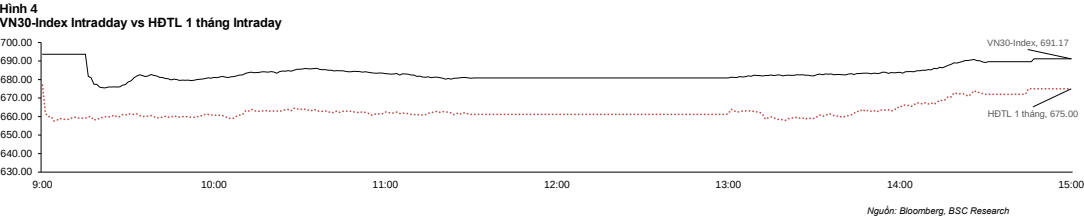
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 7 US cent tương đương 0.7% xuống 10.38 US cent/lb. Giá đường trắng cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 1.7 USD tương đương 0.5% xuống 328.4 USD/tấn. Giá đường giảm nhẹ sau khi tăng trong đầu phiên giao dịch do giá dầu thô giảm và nguồn cung tăng.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 3.25 US cent tương đương 2.8% lên 1.199 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn London tăng 12 USD tương đương 1% lên 1,233 USD/tấn.
- Rabobank dự kiến Brazil sẽ sản xuất 67.5 triệu bao (60kg/bao) cà phê trong niên vụ 2020/21, dẫn đến dư cung toàn cầu 5.6 triệu bao trong niên vụ này.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2.3% xuống 631 CNY (89.36 USD)/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.1% lên 3,206 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0.9% lên 3,063 CNY/tấn.
- Xuất khẩu quặng sắt từ Brazil và Australia sang Trung Quốc trong tháng 3/2020 tăng lên 68.6 triệu tấn so với 60.2 triệu tấn tháng 2/2020.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	677.00	3.08%	-14.17	84.2%	228,037	4/16/2020	11
VN30F2005	674.90	3.50%	-16.27	70.9%	2,290	5/21/2020	46
VN30F2006	672.00	3.07%	-19.17	8.7%	137	6/18/2020	74
VN30F2009	671.10	2.10%	-20.07	27.5%	348	9/17/2020	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -2.44 điểm xuống mức 691.17 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VPB, TCB, HPG, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tiếp tục điều chỉnh giảm đầu phiên xuống gần 675 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại vận động tích lũy quanh 680-685 điểm. Cuối phiên, VN30 tăng tích cực lên trên 890 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 705 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2006 đều giảm, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 680 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2001	KIS	9/21/2020	167	4:1	89,540	-61.6%	8.0 triệu	36.18%	1,500	330	73.68%	17.80	18.54
CVRE2003	KIS	12/16/2020	253	2:1	10,900	-22.6%	3.0 triệu	36.18%	3,000	1,300	68.83%	91.90	14.15
CMSN1902	KIS	5/15/2020	38	5:1	410,190	192.4%	2.0 triệu	30.52%	1,640	110	57.14%	0.30	366.67
CVPB2004	SSI	5/14/2020	37	1:1	158,310	555.3%	3.0 triệu	36.98%	4,100	170	41.67%	20.00	8.50
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	106	2:1	24,610	19.4%	1.0 triệu	30.38%	2,900	390	14.71%	223.60	1.74
CVNM2002	KIS	12/16/2020	253	5:1	32,530	-84.3%	3.0 triệu	27.58%	3,200	1,400	12.90%	177.70	7.88
CSTB2001	KIS	6/19/2020	73	1:1	323,650	-44.3%	5.0 triệu	36.02%	1,500	530	12.77%	132.80	3.99
CMSN2001	KIS	12/16/2020	253	5:1	98,820	-65.2%	2.0 triệu	30.52%	2,300	1,980	10.61%	664.10	2.98
CHPG2004	SSI	6/15/2020	69	1:1	108,480	79.7%	5.0 triệu	32.45%	2,800	570	7.55%	73.10	7.80
CVPB2001	HSC	6/22/2020	76	2:1	318,740	-44.6%	5.0 triệu	36.98%	1,500	960	5.49%	444.90	2.16
CHDB2003	KIS	12/16/2020	253	2:1	12,840	-77.8%	2.0 triệu	33.25%	2,700	790	3.95%	87.70	9.01
CHPG2002	KIS	12/16/2020	253	2:1	116,100	1396.1%	3.0 triệu	32.45%	1,700	770	2.67%	67.30	11.44
CFPT1908	MBS	6/17/2020	71	3:1	132,040	-13.2%	2.4 triệu	30.38%	3,150	430	2.38%	185.10	2.32
CTCB1902	VND	6/5/2020	59	1:1	34,140	117.5%	2.0 triệu	32.29%	5,300	500	0.00%	41.60	12.02
CNVL2001	KIS	12/16/2020	253	4:1	7,010	-17.1%	2.0 triệu	17.92%	2,300	1,540	-2.53%	83.90	18.36
CTCB2001	HSC	6/22/2020	76	2:1	25,620	-74.2%	5.0 triệu	32.29%	1,700	120	-7.69%	8.70	13.79
CSBT2001	KIS	12/16/2020	253	1:1	55,780	-38.6%	2.0 triệu	32.17%	2,900	830	-16.16%	115.20	7.20
CROS2001	KIS	6/19/2020	73	4:1	234,620	-70.9%	10.0 triệu	60.25%	1,500	60	-25.00%	-	-
CSTB2002	KIS	12/16/2020	253	1:1	263,310	81.8%	3.0 triệu	36.02%	1,700	1,350	-29.32%	425.90	3.17
CDPM2001	KIS	6/19/2020	73	2:1	103,020	-77.1%	2.0 triệu	34.55%	1,000	350	-35.19%	207.90	1.68
CREE1903	SSI	4/22/2020	15	1:1	17,900	-69.7%	1.0 triệu	29.87%	7,600	120	-36.84%	0.10	1,200.00
Tổng:					2,578,150		71.40 triệu	33.58%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 8/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CREE1903 và CDPM2001 giảm mạnh lần lượt là -36.84% và -35.19%. Trái lại, CFPT2002 tăng mạnh 14.71%. Giá trị giao dịch giảm -27.54%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.79% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	70.00	6.06	2.03
MSN	58.90	2.43	0.89
VNM	99.00	0.51	0.38
POW	8.54	6.88	0.35
STB	9.28	1.09	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	94.0	-3.39	-2.07
VPB	18.9	-2.83	-1.28
TCB	16.7	-1.47	-0.77
HPG	18.7	-1.58	-0.68
MBB	15.7	-1.57	-0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CVRE2001	42,789	36,789	22,300
CVRE2003	43,999	37,999	22,300
CMSN1902	86,089	77,889	57,500
CVPB2004	28,100	24,000	19,450
CFPT2002	63,800	58,000	47,300
CVNM2002	157,111	141,111	98,500
CSTB2001	12,499	10,999	9,180
CMSN2001	77,289	65,789	57,500
CHPG2004	26,300	23,500	19,000
CVPB2001	23,000	20,000	19,450
CHDB2003	37,523	32,123	20,750
CHPG2002	33,399	29,999	19,000
CFPT1908	63,450	54,000	47,300
CTCB1902	26,300	21,000	16,950
CNVL2001	75,088	65,888	51,700
CTCB2001	26,400	23,000	16,950
CSBT2001	24,011	21,111	13,450
CROS2001	32,468	26,468	3,740
CSTB2002	13,588	11,888	9,180
CDPM2001	16,567	14,567	12,500
CREE1903	7,278	34	30,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.0	-0.8%	1.1	1,457	6.4	8,655	8.6	2.7	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	56.2	-1.4%	1.3	550	2.0	5,361	10.5	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	47.8	0.0%	1.4	1,543	2.0	1,632	29.3	1.9	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.3%	0.6	308	1.1	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	94.0	-3.4%	0.9	13,824	3.1	2,310	40.7	4.1	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	22.5	0.9%	1.1	2,223	3.2	1,226	18.4	1.9	31.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.0	0.6%	0.8	2,192	0.6	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	29.8	-0.7%	0.9	402	0.4	5,287	5.6	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.1	4.2%	1.5	205	0.5	2,850	3.2	0.7	42.0%	20.3%
SSI	Chứng khoán	14.4	1.4%	1.3	323	2.5	1,787	8.0	0.8	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	15.4	-1.9%	1.0	110	0.1	4,240	3.6	0.6	35.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.2	5.2%	1.7	201	1.6	1,421	10.7	1.1	53.7%	11.7%
FPT	Công nghệ	46.9	-1.0%	0.8	1,389	3.2	4,631	10.1	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	42.5	0.0%	0.4	460	0.0	4,812	8.8	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	62.7	-0.3%	1.5	5,218	2.3	6,092	10.3	2.5	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	38.4	-1.2%	1.5	1,988	1.6	3,495	11.0	2.0	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.9	0.8%	1.6	247	3.3	1,529	7.8	0.5	15.6%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.7	0.0%	0.8	768	0.7	898	6.3	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	83.5	0.6%	0.6	475	0.4	4,668	17.9	3.2	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	13.4	6.8%	0.6	227	1.3	774	17.2	0.7	18.0%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.3	6.8%	0.5	144	1.1	592	10.6	0.5	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	67.5	-1.0%	1.2	10,885	5.2	5,003	13.5	3.1	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	38.0	2.6%	1.7	6,636	2.3	2,366	16.0	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.7	-0.8%	1.3	3,189	3.9	2,541	7.8	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	18.9	-2.8%	1.2	2,003	3.1	3,379	5.6	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.7	-1.6%	1.1	1,646	3.4	3,476	4.5	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.2	-0.5%	1.0	1,455	2.0	3,694	5.5	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.0	2.0%	0.9	142	0.4	5,165	7.7	1.3	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	28.6	0.7%	0.3	122	0.1	4,167	6.9	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	18.7	-1.6%	1.1	2,245	4.1	2,588	7.2	1.1	36.5%	17.1%
HSG	Thép	5.7	2.3%	1.7	105	1.0	1,161	4.9	0.4	17.8%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.0	0.5%	0.7	7,495	3.8	5,478	18.1	6.3	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	138.0	0.7%	0.8	3,848	0.5	7,477	18.5	4.7	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	58.9	2.4%	1.0	2,994	3.3	4,772	12.3	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.5	0.4%	0.7	344	0.8	508	26.6	1.1	6.0%	4.4%
ACV	Vận tải	47.7	-1.6%	0.8	4,515	0.3	2,630	18.1	3.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	99.0	0.0%	1.1	2,255	1.2	7,889	12.5	3.4	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	19.8	-2.5%	1.7	1,221	0.8	1,640	12.1	1.5	9.5%	12.8%
GMD	Vận tải	16.3	0.0%	0.9	210	0.2	1,603	10.1	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.0	-1.0%	0.9	110	0.4	2,398	3.8	0.6	28.6%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	59.1	-1.5%	1.0	411	1.6	8,824	6.7	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.1	2.5%	0.7	314	0.4	1,453	11.1	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.2	-0.4%	0.8	186	0.1	1,941	5.8	0.8	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	53.8	-0.7%	1.2	178	0.3	8,859	6.1	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	0.6	476	0.2	1,548	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.7	-3.4%	0.4	201	0.6	2,769	6.7	0.8	47.0%	12.9%
POW	Điện	8.5	6.9%	0.6	870	3.4	1,028	8.3	0.7	12.3%	9.4%
NT2	Điện	18.4	0.0%	0.5	230	0.3	2,560	7.2	1.3	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	70.00	6.06	3.83	950920.00
BID	37.95	2.57	1.09	1.46MLN
MSN	58.90	2.43	0.47	1.34MLN
POW	8.54	6.88	0.37	9.41MLN
VNM	99.00	0.51	0.25	904920.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-3.19	760120.00	1.11MLN
VCB	0.00	-0.74	1.78MLN	607060.00
VPB	0.00	-0.39	3.74MLN	373600.00
TCB	0.00	-0.25	1.41MLN	192700.00
HPG	0.00	-0.24	5.11MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCL	5.35	7.00	0.01	288490.00
LIX	48.15	7.00	0.03	227560.00
ABS	32.90	6.99	0.02	89030.00
HCD	2.76	6.98	0.00	979800.00
ROS	4.00	6.95	0.04	12.87MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTT	0.93	-7.00	0.00	213400.00
KPF	20.00	-6.98	-0.01	200.00
HU1	5.74	-6.97	0.00	9310.00
SFG	4.83	-6.94	-0.01	40020.00
VAF	4.83	-6.94	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.50	4.03	0.80	6.05MLN
NET	44.00	10.00	0.06	4000.00
IDC	17.00	7.59	0.05	1100.00
TNG	11.60	9.43	0.05	1.98MLN
DNP	17.40	2.35	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.20	-0.49	-0.16	2.33MLN
SHN	7.10	-8.97	-0.08	3600.00
NVB	8.20	-2.38	-0.08	1.13MLN
TAR	37.50	-8.98	-0.06	304200.00
VIF	14.90	-9.70	-0.06	3800.00

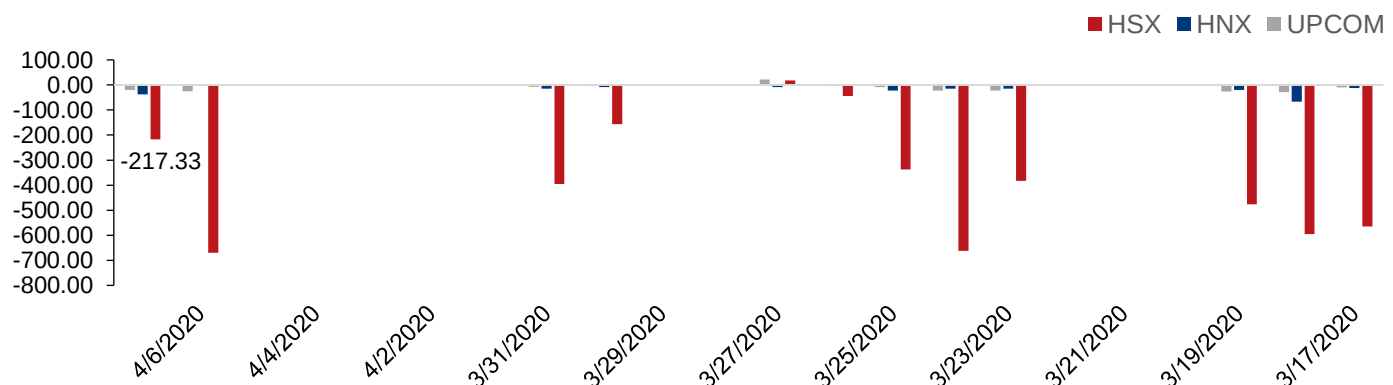
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.80	14.3	0.01	68100.00
SPI	0.80	14.3	0.00	6400.00
MEC	0.90	12.5	0.00	2100.00
HHG	1.10	10.0	0.00	8900.00
NET	44.00	10.0	0.06	4000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.30	-25.00	0.00	11700.00
SPP	0.40	-20.00	0.00	1.34MLN
HKB	0.60	-14.29	0.00	87000.00
PVX	0.70	-12.50	-0.02	594500.00
HTP	9.00	-10.00	0.00	100.00

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



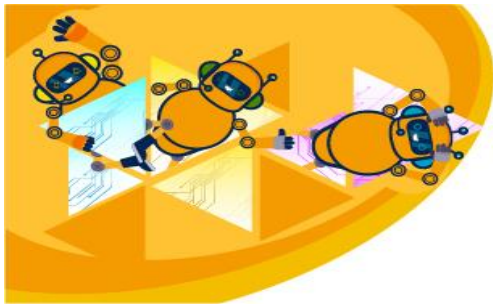
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.3	1,603	10.1	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.2	3,694	5.5	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.0	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	138.0	7,477	18.5	4.7	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	19.5	1,688	11.6	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.0	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.8	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	74.0	8,655	8.6	2.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	26.7	7,380	3.6	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	46.9	4,631	10.1	2.3	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.3	2,109	7.7	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.8	3,897	5.8	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	83.5	4,668	17.9	3.2	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.6	4,313	5.7	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	56.2	5,361	10.5	2.8	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.0	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	150.0	14,782	10.1	4.1	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.1	0	20.5	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	74.0	8,655	8.6	2.7	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.2	3,694	5.5	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn